

Bản án số: 84/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2017.

Về việc: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Phan Minh Trâm**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Thanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**.

* Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Luận**, là thư ký Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hùng**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1978.

- Bị đơn: Anh **Ngô Vũ Nh**, sinh năm 1967.

Cùng HKTT: Ấp Xuân K, xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt, anh Nh vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị Kim T trình bày: Chị và anh Nh chung sống với nhau từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn, do anh chị tự tìm hiểu. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do chị và anh Nh bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Chị và anh

Nh đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Hiện tại, chị không còn tình cảm với anh Nh nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có hai con chung tên Ngô Thị Huỳnh G- sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Ngô Bảo D- sinh ngày 18/4/2001, hiện nay cháu D đang sống với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cũng theo nguyện vọng của cháu, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

* Tại bản tự khai ngày 21/4/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Ngô Vũ Nh trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim T có cưới hỏi và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có hai con chung tên Ngô Thị Huỳnh G- sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Ngô Bảo D- sinh ngày 18/4/2001. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của con. Anh không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Anh Ngô Vũ Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và anh có đơn xin vắng mặt xét xử ngày 21/4/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Nh và quá trình giải quyết vụ án anh Nh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Nhưng do chị T và anh Nh không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh Nh là vợ chồng phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình ; Về con chung, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ngô Bảo D, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, anh Ngô Vũ Nh vắng mặt nhưng có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nh.

[1] Nhận thấy, chị Lê Thị Kim T và anh Ngô Vũ Nh có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau năm 1997, nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống và do anh Nh có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2016 đến nay, nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nh. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Nh trình bày, anh và chị T có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang và nay anh đồng ý ly hôn với chị T. Nhưng theo văn bản số 211/UBND ngày 12/6/2017 và xác nhận ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang anh chị không có đăng ký kết hôn vào năm 2003 và qua trích lục hồ sơ kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang chị Lê Thị Kim T không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Xét thấy, tình cảm của anh chị không còn và thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị sống chung không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình nên cần không công nhận anh chị là vợ chồng mới phù hợp khoảng 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có hai con chung là Ngô Thị Huỳnh G– sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Ngô Bảo D - sinh ngày 18/4/2001 hiện cháu D đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu D do chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ trước tới nay, cuộc sống của cháu đã ổn định và cũng theo nguyện vọng của cháu muốn được sống với mẹ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Kim T và anh Ngô Vũ Nh.

2. Về con chung: giao con chung Ngô Bảo D, sinh ngày 18/4/2001 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nh được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 theo hai biên lai thu số 14304 ngày 04/4/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với anh Nh tính từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Trịnh Phan Minh Trâm